

MỤC LỤC

NOI DUNG TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TÀI CHÍNH ĐỌC 10-11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN TỨC LẬP 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỌC KIỂM TOÁN 13

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

đã được kiểm toán



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **Khái quát**

Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC) là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 5 vào ngày 13 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là **6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)**.

### **Trụ sở chính của công ty đặt tại**

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội.

### **Chi nhánh của công ty**

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại Hà Nội, địa chỉ: Phòng 1802A – Tòa nhà Hà Thành Plaza – số 102 Thái Thịnh – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh ECOPARK - Công ty TNHH Kiểm Toán TTP, địa chỉ: Đường Phà, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Bắc – Công ty TNHH Kiểm toán TTP, địa chỉ: Số 560A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

### **Ngành nghề kinh doanh**

#### **+ Dịch vụ kiểm toán:**

- Kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
- Kiểm toán hoạt động;
- Kiểm toán tuân thủ;
- Kiểm toán nội bộ;
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
- Kiểm toán thông tin tài chính;
- Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.

- + Tư vấn tài chính;
- + Tư vấn thuế;
- + Tư vấn nguồn nhân lực;
- + Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;
- + Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- + Dịch vụ kế toán;
- + Dịch vụ định giá tài sản;
- + Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
- + Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;
- + Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.

1388  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
TTP  
VỤ TỰ  
NH KẾ  
TỔM T  
AM VI  
P. HỒ



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2016 và tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng thành viên:

Ông Lê Quang Đức	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên
Bà Lê Phương Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Chi Thành	Thành viên
Ông Hoàng Văn Khoa	Thành viên

#### Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Quang Đức	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Chi Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Huy Đăng	Giám đốc chi nhánh tại Hà Nội
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Giám đốc chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Ông Trịnh Quốc Huy	Giám đốc chi nhánh Ecopark
Bà Bùi Thanh Trang	Giám đốc chi nhánh Miền Bắc

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài Chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### Công bố trách nhiệm của ban giám đốc với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Tổng Giám Đốc**

  
**Lê Quang Đức**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tình hình của Kiểm toán viên

Trích dẫn của chúng tôi là dựa trên ý kiến về báo cáo tài chính của việc kiểm toán được thực hiện. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra thủ tục nhận thu nhập các công cụ chứng minh toán về các tài liệu và quyết định trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính dự kiến từ các nguồn khác nhau. Khi được hiểu được các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm giảm thiểu sai sót sai lệch không phù hợp với định nghĩa sai sót trọng yếu. Tuy nhiên không phải mọi sai sót sai lệch về mặt kỹ thuật của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thời điểm hợp của các khoản mục kế toán được áp dụng và tính hợp lý, và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Cũng với tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính trung thực và tình hình tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán TTP tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
và Kế toán Kiểm toán Việt Nam

Chức vụ Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan  
Giám đốc Tổng và Kế toán Việt Nam  
Số 01/2013-2017  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Văn Tuấn  
Giám đốc Tổng và Kế toán Việt Nam  
Số 01/2013-2017  
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017







Số : 204a/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Kiểm Toán TTP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán TTP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Chủ tịch HĐQTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0467-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1559-2013-152-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>8.609.022.110</b>	<b>8.261.575.612</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.330.966.186</b>	<b>3.093.776.899</b>
1. Tiền	111	V.1	3.330.966.186	3.093.776.899
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.677.548.508</b>	<b>2.532.428.119</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.273.439.012	1.947.953.020
2. Các khoản phải thu khác	135	V.2	1.404.109.496	700.632.009
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(116.156.910)
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	V.3	<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.747.254	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.379.941	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.483.380.221	2.635.370.594
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.085.253.216</b>	<b>1.910.360.386</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>84.569.824</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		200.726.734	-
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(116.156.910)	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.375.022.448</b>	<b>1.684.836.124</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	2.375.022.448	1.684.836.124
- Nguyên giá	222		3.946.824.997	2.967.761.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.571.802.549)	(1.282.925.236)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>625.660.944</b>	<b>225.524.262</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	537.660.944	137.524.262
2. Tài sản dài hạn khác	268		88.000.000	88.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>11.694.275.326</b>	<b>10.171.935.999</b>

3052/84  
CCTN  
TRÁCH NHIỆM  
DỊCH VỤ  
ÀI CHẾ  
VÀ K T C  
NATE  
V1 - T/O

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.265.598.469</b>	<b>3.919.544.049</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.438.775.641</b>	<b>3.668.845.518</b>
1. Phải trả người bán	312		772.560.000	286.220.000
2. Người mua trả tiền trước	313		294.210.800	202.476.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.6	466.861.860	292.391.209
4. Phải trả người lao động	315		912.360.202	863.315.103
5. Chi phí phải trả	316		1.341.998.489	1.313.169.482
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.7	13.013.297	114.039.100
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		637.770.994	597.234.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>826.822.827</b>	<b>250.698.531</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		430.480.482	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		396.342.345	250.698.531
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>6.428.676.857</b>	<b>6.252.391.950</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.8	<b>6.428.676.857</b>	<b>6.252.391.950</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		428.676.857	252.391.950
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>11.694.275.325</b>	<b>10.171.935.999</b>

Người lập biểu

*Abam T. Nguyễn*

Kế toán trưởng

*Lê Phương Anh*  
 Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



*Lê Quang Đức*  
 Lê Quang Đức

3884  
 NG TY  
 TIEM HU  
 VU TU  
 NH KEE  
 TIEM TO  
 M VIET  
 HO



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.564.381.395	11.138.408.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	14.564.381.395	11.138.408.775
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.918.596.480	5.839.727.027
	20		6.645.784.915	5.298.681.748
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.282.030	6.302.353
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.311.000	58.240.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.311.000	58.240.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.349.834.499	5.038.423.758
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		262.921.446	208.320.343
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.200	18.618.480
12. Chi phí khác	32	VI.6	38.944.508	83.138.604
13. Lợi nhuận khác	40		(38.941.308)	(64.520.124)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		223.980.138	143.800.219
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	47.695.232	42.744.601
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		176.284.907	101.055.618

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Ngọc Hải*

Kế toán trưởng

*Lê Phương Anh*

Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Quang Đức

C.T. TTP  
PHẦN  
VĂN  
TOÁN  
ÁN  
CHI M



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	237.015.428	143.800.219
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	288.877.313	179.071.509
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.282.030)	(6.302.353)
- Chi phí lãi vay	06	37.311.000	58.240.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	558.921.711	374.809.375
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(79.999.957)	2.162.603.624
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	1.216.090.783	996.556.223
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(430.883.936)	(95.672.601)
- Tiền lãi vay đã trả	13		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(52.157.708)	(35.426.081)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.148.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.211.970.894	2.254.540.540
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(979.063.637)	(120.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.282.030	6.302.353
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(974.781.607)	(113.697.647)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(830.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(830.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	237.189.287	1.310.842.893
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.093.776.899	1.782.934.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.330.966.186	3.093.776.899

Người lập biểu

  
Phạm T. Mỹ Hằng

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc


  
Lê Quang Đức



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC) là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 5 vào ngày 13 tháng 02 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là **6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)**.

#### **Trụ sở chính của công ty đặt tại**

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – Hà Nội.

#### **Chi nhánh của công ty**

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại Hà Nội, địa chỉ: Phòng 1802A – Tòa nhà Hà Thành Plaza – số 102 Thái Thịnh – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 94 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh ECOPARK - Công ty TNHH Kiểm Toán TTP, địa chỉ: Đường Phà, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Chi nhánh Miền Bắc – Công ty TNHH Kiểm toán TTP, địa chỉ: Số 560A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

#### **2. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Dịch vụ.**

#### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

+ Dịch vụ kiểm toán:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính;
- Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
- Kiểm toán hoạt động;
- Kiểm toán tuân thủ;
- Kiểm toán nội bộ;
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
- Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
- Kiểm toán thông tin tài chính;
- Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.

+ Tư vấn tài chính;

+ Tư vấn thuế;

+ Tư vấn nguồn nhân lực;

+ Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- + Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
- + Dịch vụ kế toán;
- + Dịch vụ định giá tài sản;
- + Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
- + Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- + Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;
- + Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

33052  
C  
TRÁCH N  
DỊCH  
ÀI CHÍ  
VÀ K  
NA  
VI - T



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |        |
|-----------------------------|--------|
| - Phương tiện vận tải       | 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

### 3. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và số lợi nhuận đã phân phối cho các chủ sở hữu.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ;
- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 9. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

### 10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

C. T. T. P.  
KIỂM  
TOÁN  
TTP  
CHỈ MỸ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>1. Tiền</b>			
- Tiền mặt		1.181.864.196	939.261.320
- Tiền gửi ngân hàng		2.149.101.990	2.154.515.579
<b>Cộng</b>		<b>3.330.966.186</b>	<b>3.093.776.899</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>			
- Phải thu của người lao động		204.109.496	319.024.009
- Phải thu khác		1.200.000.000	381.608.000
<b>Cộng</b>		<b>1.404.109.496</b>	<b>700.632.009</b>
<b>3. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
Thuế GTGT được khấu trừ		86.379.941	1.704.044
Tạm ứng		1.514.127.475	2.633.666.550
<b>Cộng</b>		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
<b>4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>			
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>
		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
		86.379.941	1.704.044
		1.514.127.475	2.633.666.550
		<b>1.600.507.416</b>	<b>2.635.370.594</b>

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

Tầng 12 - Tháp Tây - Hancorp Plaza - 72 Trần Đăng Ninh  
P. Dịch vọng - Q. Cầu Giấy - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****5. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	537.660.944	137.524.262
<b>Cộng</b>	<b>537.660.944</b>	<b>137.524.262</b>

**6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	425.870.744	251.765.520
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.695.231	22.157.707
- Thuế thu nhập cá nhân	23.295.885	18.467.981
<b>Cộng</b>	<b>466.861.860</b>	<b>292.391.209</b>

**7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- BHXH, BHYT		1.437.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.013.297	112.601.600
<b>Cộng</b>	<b>13.013.297</b>	<b>114.039.100</b>

**8. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
- Số dư đầu năm trước	3.000.000.000	151.336.332	3.151.336.332
- Tăng vốn trong năm	3.000.000.000		3.000.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước		101.055.618	101.055.618
- Số dư cuối năm trước	6.000.000.000	252.391.950	6.252.391.950
- Số dư đầu năm nay	6.000.000.000	252.391.950	6.252.391.950
- Lợi nhuận tăng trong năm		176.284.907	176.284.907
- Giảm khác			-
- Số dư cuối năm nay	6.000.000.000	428.676.857	6.428.676.857



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Vốn điều lệ	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	14.564.381.395	11.138.408.775
<b>Cộng</b>	<b>14.564.381.395</b>	<b>11.138.408.775</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.918.596.480	5.839.727.027
<b>Cộng</b>	<b>7.918.596.480</b>	<b>5.839.727.027</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	4.282.030	6.302.353
<b>Cộng</b>	<b>4.282.030</b>	<b>6.302.353</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền vay	37.311.000	58.240.000
<b>Cộng</b>	<b>37.311.000</b>	<b>58.240.000</b>

**5. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thu nhập khác	3.200	-
<b>Cộng</b>	<b>3.200</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi khác	38.944.508	83.138.604
<b>Cộng</b>	<b>38.944.508</b>	<b>83.138.604</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	223.980.138	143.800.219
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN chịu thuế TNDN:	38.944.508	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.944.508	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	-
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	38.944.508	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	262.924.646	143.800.219
Thuế suất thuế TNDN:	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.695.232	42.744.601

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	425.788.963	316.771.288
- Chi phí nhân công	9.418.596.480	8.162.554.135
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.877.313	179.071.509
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.575.696.759	1.126.370.554
- Chi phí khác bằng tiền	2.559.471.464	1.093.383.299
<b>Cộng</b>	<b>14.268.430.979</b>	<b>10.878.150.785</b>

213  
CÔNG  
H NHIỆ  
H VỤ  
HÌNH  
KIỂM  
NAM  
TP.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương tiền	3.330.966.186	3.093.776.899	3.330.966.186	3.093.776.899
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.677.548.508	2.648.585.029	3.677.548.508	2.648.585.029
<b>Cộng</b>	<b>7.008.514.694</b>	<b>5.742.361.928</b>	<b>7.008.514.694</b>	<b>5.742.361.928</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.216.053.779	400.259.100	1.216.053.779	400.259.100
Chi phí phải trả	1.341.998.489	1.313.169.482	1.341.998.489	1.313.169.482
<b>Cộng</b>	<b>2.558.052.268</b>	<b>1.713.428.582</b>	<b>2.558.052.268</b>	<b>1.713.428.582</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016 và vào ngày 01/01/2016.

### 3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### 4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.127.571.786</b>	<b>430.480.482</b>	<b>2.558.052.268</b>
Phải trả người bán	772.560.000	-	772.560.000
Phải trả khác	13.013.297	430.480.482	443.493.779
Chi phí phải trả	1.341.998.489	-	1.341.998.489
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.713.428.582</b>	<b>-</b>	<b>1.713.428.582</b>
Phải trả người bán	286.220.000	-	286.220.000
Phải trả khác	114.039.100	-	114.039.100
Chi phí phải trả	1.313.169.482	-	1.313.169.482

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

C.T. TTP  
BAN  
KIỂM  
TOÁN  
TỔNG  
CƠ  
QUẢN  
LÝ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ trọng yếu do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## 6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

## 7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

  
Phan T. Ngy Hll

Kế toán trưởng

  
Lê Phương Anh

Tổng Giám đốc



Lê Quang Đức

HNH K